

### Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

#### Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu<sup>1</sup> không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy. Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây

<sup>1</sup> Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ khoản này.

hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

**Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:** Nhà thầu tham dự thầu phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu (nội dung về cam kết được thực hiện cùng với đơn dự thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT)

### **Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

Sử dụng phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên yêu cầu về các sản phẩm đầu ra được nêu tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT, Chủ đầu tư phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ;
- Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc;
- Tính hợp lý và khả thi của kế hoạch, các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ;
- Mức độ đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng và phương pháp thực hiện;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ;
- Tiến độ thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT;
- Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động (nếu có);
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì (nếu có);
- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có): các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) như: việc sử dụng các vật tư, vật liệu; biện pháp tổ chức thi công; dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);
- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;
- Trường hợp cần yêu cầu về xuất xứ vật tư, vật liệu, nguyên liệu phục vụ cho gói thầu dịch vụ phi tư vấn thì Chủ đầu tư quy định xuất xứ của vật tư, vật liệu, nguyên liệu theo nhóm nước, vùng lãnh thổ quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Đấu thầu. Nhà thầu phải chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu theo đúng yêu cầu về xuất xứ hoặc xuất xứ Việt Nam, kể cả trong trường hợp xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ mà Chủ đầu tư yêu cầu không có Việt Nam; nhà thầu chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu không có xuất xứ theo yêu cầu của E-HSMT hoặc không phải xuất xứ Việt Nam thì sẽ bị loại. Trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu xuất xứ Việt Nam theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10 của Luật Đấu thầu thì nhà thầu chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu không phải là xuất xứ Việt Nam sẽ bị loại;
- Các yếu tố cần thiết khác.

### Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

TT	Nội dung đánh giá	Mức yêu cầu đáp ứng	
		Đạt yêu cầu	Không đạt
1	A. Yêu cầu về pháp lý, uy tín, năng lực của nhà thầu	Nhà thầu đáp ứng tối thiểu 70% tổng số điểm tại mục A Bảng chi tiết các nội dung đánh giá kỹ thuật thì được đánh giá là Đạt	Nhà thầu đáp ứng dưới 70% tổng số điểm tại mục A Bảng chi tiết các nội dung đánh giá kỹ thuật thì được đánh giá là không đạt
2	B. Yêu cầu về tổ chức thực hiện gói thầu	Nhà thầu đáp ứng tối thiểu 70% tổng số điểm và các tiêu chí cơ bản có yêu cầu tối thiểu nhà thầu phải đáp ứng tại mục B Bảng chi tiết các nội dung đánh giá kỹ thuật thì được đánh giá là Đạt	Nhà thầu đáp ứng dưới 70% tổng số điểm và không đáp ứng một trong các tiêu chí cơ bản có yêu cầu tối thiểu nhà thầu phải đáp ứng tại mục B Bảng chi tiết các nội dung đánh giá kỹ thuật thì được đánh giá là không đạt
3	C. Yêu cầu về bảo hiểm	Nhà thầu đáp ứng tối thiểu 70% tổng số điểm và các tiêu chí cơ bản có yêu cầu tối thiểu nhà thầu phải đáp ứng tại mục C Bảng chi tiết các nội dung đánh giá kỹ thuật thì được đánh giá là Đạt	Nhà thầu đáp ứng dưới 70% tổng số điểm và không đáp ứng một trong các tiêu chí cơ bản có yêu cầu tối thiểu nhà thầu phải đáp ứng tại mục C Bảng chi tiết các nội dung đánh giá kỹ thuật thì được đánh giá là không đạt
4	D. Yêu cầu về thu xếp bảo hiểm tái bảo hiểm	Nhà thầu đáp ứng tối thiểu 70% tổng số điểm và các tiêu chí cơ bản có yêu cầu tối thiểu nhà thầu phải đáp ứng tại mục D Bảng chi tiết các nội dung đánh giá kỹ thuật thì được đánh giá là Đạt	Nhà thầu đáp ứng dưới 70% tổng số điểm và không đáp ứng một trong các tiêu chí cơ bản có yêu cầu tối thiểu nhà thầu phải đáp ứng tại mục D Bảng chi tiết các nội dung đánh giá kỹ thuật thì được đánh giá là không đạt
<b>Kết luận</b>		<b>E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi cả 4 tiêu chí tổng quát A,B,C,D được đánh giá là Đạt</b>	

## BẢNG CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá
<b>A</b>	<b>YÊU CẦU VỀ PHÁP LÝ, UY TÍN, NĂNG LỰC CỦA NHÀ THẦU.</b>	<b>35</b>
1	Nhà thầu phải có giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh bảo hiểm do Bộ Tài chính cấp. Trong đó có nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cháy, nổ <i>* Trường hợp liên danh đánh giá đối với từng thành viên trong liên danh. Thành viên trong liên danh không đáp ứng thì liên danh đó được đánh giá không đáp ứng.</i>	5
	Không đáp ứng nội dung theo yêu cầu	0
	Đáp ứng nội dung theo yêu cầu	5
2	Uy tín của nhà thầu: Nhà thầu cam kết bằng văn bản không vi phạm các kết quả thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2015/NĐ-CP ngày 04/08/2025 và các văn bản cam kết theo yêu cầu tại Chương V E-HSMT <i>* Trường hợp liên danh từng nhà thầu trong liên danh phải đáp ứng yêu cầu này.</i>	5
	Không có cam kết bằng văn bản	0
	Có cam kết bằng văn bản	5
3	Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu hoặc xếp hạng tín nhiệm tài chính của tổ chức quốc tế <i>* Trường hợp liên danh đánh giá đối với thành viên đứng đầu trong liên danh.</i>	5
	Nhà thầu Không có chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng hoặc có chứng nhận quản lý chất lượng nhưng hết hiệu lực hoặc k	0
	Nhà thầu có chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng còn hiệu lực hoặc được xếp hạng tín nhiệm tài chính của tổ chức quốc tế	5
4	Vốn điều lệ (VĐL) tại thời điểm 31/12/2025. <i>* Trường hợp liên danh tính bằng tổng điểm của các thành viên trong liên danh theo phần đảm nhận gói thầu</i>	5
	VĐL < 400 tỷ đồng	1,5
	400 tỷ đồng ≤ VĐL < 800 tỷ đồng	2,5
	800 tỷ đồng ≤ VĐL < 1.200 tỷ đồng	3,5
	1.200 tỷ đồng ≤ VĐL	5
5	Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong 03 năm 2023,2024,2025 (Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm = Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm - Chi phí quản lý doanh nghiệp) <i>* Trường hợp liên danh tính bằng tổng điểm của các thành viên trong liên danh theo phần đảm nhận gói thầu</i>	5

	Cả 3 năm lợi nhuận $\leq 0$	1,5
	Có 1 năm lợi nhuận $\geq 0$	2,5
	Có 2 năm lợi nhuận $\geq 0$	3,5
	Cả 3 năm lợi nhuận $\geq 0$	5
6	Tăng trưởng doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm bình quân 3 năm 2023,2024,2025 * Trường hợp liên danh tính bằng tổng điểm của các thành viên trong liên danh theo phần đảm nhận gói thầu	5
	Tăng trưởng âm	1,5
	Từ 0% đến dưới 3%	2,5
	Từ 3% đến dưới 5%	3,5
	Từ 5% trở lên	5
7	Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE) bình quân trong 03 năm 2023,2024,2025 * Trường hợp liên danh tính bằng tổng điểm của các thành viên trong liên danh theo phần đảm nhận gói thầu	5
	Dưới 5%	1,5
	Từ 5% đến dưới 7%	2,5
	Từ 7% đến dưới 9%	3,5
	Từ 9% trở lên	5
<b>B</b>	<b>YÊU CẦU VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN GÓI THẦU</b>	<b>15</b>
1 (*)	Quy trình tổ chức thực hiện bảo hiểm cho gói thầu: Quy trình tổ chức thực hiện bảo hiểm cho gói thầu trong suốt toàn bộ thời hạn bảo hiểm: - Quy trình rõ ràng, phù hợp với yêu cầu của gói thầu, Sơ đồ thể hiện quy trình tổ chức thực hiện gói thầu - Sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các bên có liên quan: Người mua bảo hiểm - Công ty môi giới bảo hiểm - Công ty bảo hiểm - Công ty giám định độc lập. - Thuyết minh sơ đồ thể hiện quy trình và sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các bên có liên quan; - Tổ chức triển khai hướng dẫn người được bảo hiểm các điều khoản, điều kiện bảo hiểm, cách thức xử lý khi có tổn thất xảy ra (hướng dẫn thực hiện hợp đồng) - Quy trình gia hạn hiệu lực bảo hiểm; Phí bảo hiểm trong thời gian gia hạn. Cam kết mức phí bảo hiểm bổ sung trong thời gian gia hạn không được vượt quá mức phí và tỷ lệ phí theo hợp đồng đã giao kết.	5
	Nhà thầu không đề xuất trình bày các quy trình sơ đồ thể hiện sự liên kết giữa các đối tượng liên quan	2,5
	Nhà thầu đề xuất trình bày các quy trình, sơ đồ không cụ thể rõ ràng, không đầy đủ thông tin, không đáp ứng quy định nêu trên, không phù hợp với gói thầu đang xét.	3,5
	Nhà thầu đề xuất và trình bày các quy trình sơ đồ đầy đủ rõ ràng, chi tiết và thể hiện sự liên kết chặt chẽ giữa tất cả mọi đối tượng liên quan, đầy đủ thông tin và đáp ứng các yêu cầu của gói thầu	5

	Quy trình tổ chức về giải quyết bồi thường cho gói thầu:	
2	<p>- Quy trình rõ ràng, phù hợp với yêu cầu của gói thầu, có Sơ đồ thể hiện quy trình bồi thường, Sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các bên có liên quan: Người mua bảo hiểm - Công ty môi giới bảo hiểm - Công ty bảo hiểm - Công ty giám định độc lập; Tài liệu hướng dẫn Người được bảo hiểm yêu cầu bồi thường khi phát sinh sự kiện bảo hiểm (hồ sơ bồi thường bảo hiểm theo quy định); thời gian tối đa từng giai đoạn đối với các bước bồi thường, thời gian bên mua bảo hiểm gửi thông báo bằng văn bản khi xảy ra tổn thất cho doanh nghiệp bảo hiểm.</p> <p>- Quy trình giải quyết bồi thường đáp ứng yêu cầu tại mục 4 Chương V E-HSMT giải pháp và phương pháp luận.</p>	5
	Không có quy trình, tài liệu hướng dẫn Người được bảo hiểm.	2,5
	Có quy trình và tài liệu hướng dẫn nhưng không cụ thể rõ ràng, không đầy đủ thông tin, không đáp ứng đầy đủ nội dung theo quy định, không phù hợp với gói thầu đang xét, không đáp ứng yêu cầu tại mục 4 Chương V E-HSMT giải pháp và phương pháp luận.	3,5
	Quy trình rõ ràng đầy đủ các nội dung và thể hiện được mối liên hệ giữa các bên liên quan đến gói thầu. Tài liệu hướng dẫn thuyết minh đầy đủ, chi tiết các nội dung, có thời gian giải quyết đối với từng giai đoạn; hồ sơ bồi thường và thời gian gửi thông báo bằng văn bản đáp ứng theo quy định; việc giải quyết bồi thường đáp ứng yêu cầu tại mục 4 Chương V E-HSMT giải pháp và phương pháp luận	5
3 (*)	Thời hạn bồi thường, trả tiền bảo hiểm: Thời gian thanh toán bồi thường trả tiền bảo hiểm kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ về yêu cầu bồi thường, trả tiền bảo hiểm	5
	> 15 ngày	0
	≤ 15 ngày	5
<b>C</b>	<b>YÊU CẦU VỀ BẢO HIỂM</b>	<b>30</b>
1 (*)	Yêu cầu về bản chào phí bảo hiểm bao gồm các nội dung theo quy định tại Mục 3 Chương V E-HSMT và nội dung chi tiết các điều khoản bổ sung, quy tắc bảo hiểm, dự thảo hợp đồng bảo hiểm và dự thảo giấy chứng nhận bảo hiểm.	5
	Không có Bản chào phí bảo hiểm theo quy định nêu trên	2,5
	Có Bản chào phí bảo hiểm nhưng không đầy đủ các nội dung theo yêu cầu nêu trên hoặc không đầy đủ nội dung quy định tại Mục 3 Chương V Phần 2 Yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu.	3,5
	Có Bản chào phí bảo hiểm đầy đủ các nội dung theo yêu cầu nêu trên và quy định tại Mục 3 Chương V Phần 2 Yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu.	5

2 (*)	Tỷ lệ phí, phí bảo hiểm và mức khấu trừ	5
	Không tuân thủ theo quy định tại nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023 và Nghị định 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025	0
	Tuân thủ theo quy định tại Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023 và Nghị định 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 và mức khấu trừ bằng mức yêu cầu tại Mục 3 Chương V Phần 2 Yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu.	3,5
	Tuân thủ theo quy định tại Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023 và Nghị định 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 và mức khấu trừ thấp hơn mức yêu cầu tại Mục 3 Chương V Phần 2 Yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu.	5
3 (*)	Chương trình bảo hiểm (gồm phạm vi bảo hiểm, loại hình bảo hiểm, quy tắc bảo hiểm, các điều kiện, điều khoản bổ sung, môi giới bảo hiểm) theo yêu cầu tại mục 3 Chương V E-HSMT.	5
	Không đáp ứng yêu cầu	0
	Đáp ứng đầy đủ nội dung theo yêu cầu	5
4	Đề xuất công ty giám định độc lập có uy tín, năng lực phù hợp với gói thầu	5
	Không đề xuất hoặc đề xuất từ 05 công ty giám định độc lập trở xuống	0
	Nhà thầu đề xuất trên 05 công ty giám định độc lập	5
5 (*)	Điều kiện tạm ứng số tiền bồi thường khi có tổn thất	5
	Nhà thầu đề xuất điều kiện tạm ứng số tiền bồi thường $\leq$ 50%	0
	Nhà thầu đề xuất điều kiện tạm ứng số tiền bồi thường $>$ 50%	5
6	Mỗi điều kiện, điều khoản bổ sung hoặc Giới hạn trách nhiệm (GHTN) do nhà thầu đề xuất có lợi cho Chủ đầu tư được cộng thêm 1 điểm nhưng tối đa không quá 5 điểm (không kể điều khoản quy định tại Mục 3 Chương V Phần 2 E-HSMT). Mỗi điều khoản bổ sung bất lợi cho Chủ đầu tư sẽ bị trừ đi 01 điểm (không trừ điểm đối với các điểm loại trừ được nêu ra tại Mục 3 Chương V Phần 2 E-HSMT)	5
<b>D</b>	<b>YÊU CẦU VỀ THU XẾP BẢO HIỂM, TÁI BẢO HIỂM</b>	<b>20</b>
1	- Có chương trình thu xếp bảo hiểm cho gói thầu, trong đó + Nêu chi tiết tên và tỷ lệ nhận của từng nhà tái bảo hiểm, tỷ lệ giữ lại của nhà thầu. Nêu tên nhóm rủi ro trong trường hợp thu xếp bảo hiểm theo từng nhóm rủi ro được bảo hiểm + Nêu rõ tên của nhà tái bảo hiểm đứng đầu của gói thầu (nếu có) + Thu xếp đủ 100% số tiền bảo hiểm của gói thầu	5
	Không thỏa mãn tối thiểu một điều kiện trên	0
	Thỏa mãn tất cả điều kiện trên	5

2	Mức giữ lại tối đa * Trường hợp liên danh đánh giá đối với từng thành viên trong liên danh. Thành viên trong liên danh không đáp ứng thì liên danh đó được đánh giá không đáp ứng.	5
	>10% vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2025	0
	≤ 10% vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2025	5
3	Xếp hạng tín nhiệm tài chính của nhà tái bảo hiểm đứng đầu và nhà tái bảo hiểm nước ngoài theo sau nhận từ 10% tổng mức trách nhiệm của gói thầu bởi Standard & Poor hoặc được xếp hạng tương đương bởi các tổ chức xếp hạng khác như A.M.Best, Moody's, Fitch... cho năm tài chính gần nhất. * Nhà thầu phải cung cấp bảng xếp hạng mới nhất của các tổ chức quốc tế để chứng minh vị trí xếp hạng của doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm. Trường hợp nhà thầu chỉ kê khai xếp hạng của nhà tái bảo hiểm và không cung cấp bảng xếp hạng tái của các tổ chức quốc tế để chứng minh thì chỉ được tính 50% mức điểm đạt được ở mục này. * Trường hợp chương trình thu xếp bảo hiểm của nhà thầu không có nhà tái bảo hiểm đứng đầu và nhà tái bảo hiểm nước ngoài theo sau nhận từ 10% tổng mức trách nhiệm của gói thầu thì được tính điểm tối đa cho mục này.	5
	Xếp hạng của nhà tái bảo hiểm đứng đầu và nhà tái bảo hiểm nước ngoài nhận từ 10% tổng mức trách nhiệm dưới mức "B++" theo Standard & Poors hoặc các kết quả xếp hạng tương đương của các tổ chức có chức năng tại năm tài chính gần nhất.	0
	Xếp hạng của nhà tái bảo hiểm đứng đầu từ mức "B++" trở lên theo Standard & Poors hoặc các kết quả xếp hạng tương đương của các tổ chức có chức năng tại năm tài chính gần nhất.	5
4	Bản xác nhận của nhà tái bảo hiểm (bản dịch bằng tiếng việt bao gồm một trong các loại giấy tờ sau: Bản chào tái bảo hiểm tạm thời hoặc Cam kết tái bảo hiểm đối với công ty tái bảo hiểm trong nước hoặc Bản xác nhận hợp đồng tái cố định hoặc Hợp đồng tái cố định) * Trường hợp nhà thầu giữ lại 100% mức trách nhiệm của gói thầu thì được tính điểm tối đa cho mục này. Trường hợp nhà thầu không cung cấp bản dịch bằng tiếng việt thì được tính 50% mức điểm đánh giá.	5
	Không có bản xác nhận của nhà tái bảo hiểm	0
	Có bản xác nhận của nhà tái bảo hiểm	5

**Ghi chú:** Các nội dung đánh giá tại số thứ tự có đánh dấu (\*) là các tiêu chí cơ bản yêu cầu tối thiểu nhà thầu phải đáp ứng. Trường hợp nhà thầu không đáp ứng các tiêu chí cơ bản yêu cầu tối thiểu thì E-HSDT của nhà thầu được đánh giá không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và bị loại.

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

##### **Phương pháp giá thấp nhất:**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

**Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSĐT:** Không áp dụng

**Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập:** Không áp dụng